



ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA QUA ĐỊA DANH HÀNH CHÍNH TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thị Thái Trân¹

¹Trường Đại học An Giang

Thông tin chung:

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 04/01/2016

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
25/02/2016

Ngày chấp nhận đăng: 04/2017

Title:

Cultural characteristics
through official toponyms in An
Giang

Keywords:

Administrative toponyms, An
Giang, cultural characteristics

Từ khóa:

Địa danh hành chính, An
Giang, đặc điểm văn hóa

ABSTRACT

The objective of this study was to investigate all of the administrative toponyms in An Giang province in 2009 to figure out the cultural characteristics. The concepts of figures and grounds were applied to prove the cognition of local people when giving names to numerous provincial locations. An Giang and Kien Giang, located in the Long Xuyen quadrangle area, are the only provinces that have “núi” (mountains) and “son” (hills). According to the first Vietnamese newcomers, the component of mountain has been derived from the component of rivers during the first days of reclamation. Since An Giang is located in the southwest area, a number of administrative toponyms were influenced by the Khmer people, Thoai Ngoc Hau, and the expectation of peace compared to all of other provinces in the same area.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện để khảo sát tất cả các địa danh hành chính của tỉnh An Giang trong năm 2009 nhằm chỉ ra các đặc điểm văn hóa qua không gian, thời gian và chủ thể văn hóa. Khái niệm hình và nền được áp dụng để xác định hướng tri nhận của cư dân trong cách đặt địa danh. An Giang và Kiên Giang trong vùng tứ giác Long Xuyên, vùng trũng duy nhất ở Tây Nam Bộ có thành tố “núi” và “son” trong địa danh hành chính. Đó là do yếu tố sông nước làm nền cho yếu tố sơn địa trong tâm thức của lưu dân Việt ở buổi đầu của công cuộc khẩn hoang. An Giang là vùng đất phen đậu ở Tây Nam nên số địa danh hành chính chịu sự ảnh hưởng từ dân tộc Khmer, Thoai Ngoc Hâu và nguyện vọng yên bình của nhân dân có phần nổi trội hơn so với các hệ thống địa danh hành chính của các tỉnh khác trong khu vực.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mỗi địa danh trong hệ thống của một không gian văn hóa là một điểm quy tụ nhiều yếu tố liên ngành. Nghiên cứu địa danh là xác định các yếu tố này, đồng thời xác lập những mối quan hệ giữa các đơn vị để phác họa lại một cấu trúc ổn định trong hệ thống địa danh của một vùng không gian văn hóa nhất định. Ngành Địa danh học ở Việt Nam hình thành từ những năm 90 của thế kỷ XX. Khởi đầu là Luận án Phó Tiến sĩ của Lê Trung Hoa (*Những đặc điểm chính của địa danh ở thành*

phố Hồ Chí Minh), sau đó những luận văn, luận án về địa danh lần lượt ra đời từ các học trò của ông. Hướng đi chung của các công trình này là khảo sát, thống kê, giải thích từ nguyên và đánh giá chung những đặc điểm chính của các hệ thống địa danh ở từng địa phương trong cả nước, tập trung ở khu vực miền Trung và miền Nam. Trong đó có công trình *Những đặc điểm chính của địa danh An Giang* (năm 2013) của Nguyễn Thị Thái Trân đã bước đầu thống kê được 4966 địa danh trong toàn Tỉnh và đưa ra một số giả thuyết giải

thích nguồn gốc, ý nghĩa của một số địa danh, cũng như những nhận xét chung về hệ thống địa danh ở khu vực này.

Cho đến nay, theo quan điểm của Lê Trung Hoa, địa danh được chia ra làm bốn loại: địa danh chỉ địa hình, địa danh chỉ đơn vị hành chính, địa danh chỉ vùng và địa danh chỉ công trình xây dựng thiên về không gian hai chiều (cầu, cống, đường, chợ, bến phà, quảng trường,...). Về phương thức đặt địa danh, ngoài phương thức tự tạo còn có phương thức chuyển hóa bao gồm: chuyển hóa trong nội bộ một địa danh và chuyển hóa từ loại này sang loại kia (Lê Trung Hoa, 2006). Riêng địa danh chỉ đơn vị hành chính (tạm gọi địa danh hành chính), thường ra đời sau, luôn chịu sự chi phối mạnh của tổ chức Nhà nước và được tạo từ hai phương thức chính: tạo mới trên cơ sở các thành tố có sẵn, chủ yếu là thành tố Hán Việt, (ví

dụ: thành phố Long Xuyên, phường Mỹ Long, phường Mỹ Xuyên, phường Đông Xuyên) và chuyển hóa trong nội bộ một loại địa danh hoặc từ một trong ba loại còn lại (ví dụ: núi Sập => thị trấn Núi Sập, chợ Vàm => thị trấn Chợ Vàm, chợ Mới => thị trấn Chợ Mới => huyện Chợ Mới). Do đặc điểm này nên loại địa danh hành chính luôn có sự kế thừa các giá trị văn hóa từ những loại địa danh khác và chịu sự chi phối mạnh mẽ của không gian văn hóa vùng. Nhìn chung, nếu ví các loại địa danh là những lớp trầm tích, thì địa danh hành chính là lớp trên cùng. Do đó, khi nghiên cứu đặc điểm văn hóa qua địa danh ở một địa phương, việc chọn hệ thống địa danh hành chính để nghiên cứu là việc làm cần thiết và đầu tiên.

Theo số liệu năm 2009 từ Sở Nội vụ tỉnh An Giang, toàn Tỉnh có 1033 địa danh hành chính, trong đó:

Bảng 1. Thống kê địa danh hành chính tỉnh An Giang

STT	Đơn vị hành chính	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Áp	718	69,5
2	Xã	121	11,71
3	Khóm	150	14,52
4	Thị trấn	17	1,64
5	Phường	15	1,45
6	Huyện	9	0,87
7	Thị xã	2	0,19
8	Thành phố	1	0,12
Tổng cộng		1033	100

2. KHÔNG GIAN VĂN HÓA QUA ĐỊA DANH HÀNH CHÍNH AN GIANG

An Giang là tỉnh chiếm trên 50% diện tích của vùng tứ giác Long Xuyên, hệ thống kênh mương chằng chịt. Theo thống kê ban đầu, trong 4966 địa danh toàn Tỉnh có 1628 địa danh liên quan đến dòng chảy (chiếm 32,78%), với 374 địa danh chỉ mương, 1115 địa danh chỉ kinh, còn lại là các địa danh chỉ sông, rạch, lung, xép, rọc,... (Nguyễn

Thị Thái Trân, 2013). Tuy nhiên, khi chuyển hóa sang hệ thống địa danh hành chính, An Giang chỉ có 1 địa danh mang thành tố “Kinh”, 2 địa danh mang thành tố “Cái”, 3 địa danh mang thành tố “Búng” (xem Phụ lục 1), ngoài ra không có địa danh nào mang thành tố “sông, mương, rạch, hồ...”. Như vậy, yếu tố sông nước trong địa danh chỉ đơn vị hành chính ở địa bàn này là rất ít: 6 địa danh trên tổng số 1033 địa danh hành chính, chiếm 0,58%.

Ngược lại, toàn Tỉnh có 37 địa danh chỉ núi (Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, 2003), chiếm 0,79% trong tổng số 4966 địa danh toàn Tỉnh, nhưng lại có sự chuyển hóa 8 địa danh chỉ núi sang địa danh chỉ đơn vị hành chính và 17 lần xuất hiện thành tố “son” (xem Phụ lục 2), tập trung nhiều ở huyện Thoại Sơn và Tịnh Biên. Mặc dù, An Giang nằm ở thượng nguồn hệ thống sông Cửu Long và đa phần diện tích nằm trong vùng Tứ giác Long Xuyên, số lượng địa danh chỉ dòng chảy khá nhiều so với các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến

Tre, lẽ ra yếu tố sông nước phải là chủ đạo nhưng lại được thay thế bằng yếu tố son địa trong hệ thống địa danh hành chính của khu vực này. Đây là nét độc đáo trong địa danh hành chính ở An Giang, vì xét đến cấp độ xã, địa danh hành chính ở các Tỉnh còn lại của miền Tây không có đặc điểm này (ngoại trừ tỉnh Kiên Giang, không có thành tố “núi” nhưng có 10 lượt xuất hiện thành tố “son” trong các địa danh hành chính ở các huyện Hòn Đất, Kiên Hải và Kiên Lương) (xem Phụ lục 3).

Bảng 2. So sánh số lượng địa danh chỉ dòng chảy của An Giang và các tỉnh khác

Loại địa danh	Đồng Tháp	Vĩnh Long	Bến Tre	An Giang
Bàu	12	5	12	1
Búng	0	0	0	2
Bưng	4	45	8	1
Đầm	0	0	2	0
Đìa	12	19	30	0
Hóc	0	0	1	0
Khém	17	0	10	0
Lung	0	0	0	5
Mương	44	9	20	374
Ngọn	19	10	0	2
Rạch	248	667	538	111
Sông	0	230	69	5
Vũng	0	0	2	0
Xẻo	19	13	65	0
Xếp	0	0	0	5
Rọc	10	0	0	12
Tắt	2	3	0	0
Kênh	405	357	425	1115
Tổng	792	1358	1182	1628

(Nguyễn Thị Thái Trân, 2013)

Bảng 3. So sánh sự chuyển hóa từ địa danh chỉ dòng chảy và địa danh chỉ núi đồi sang địa danh hành chính

ĐỊA DANH TOÀN TỈNH (4966 địa danh)		
Địa danh chỉ đơn vị hành chính 1033 địa danh 20,8%		Các nhóm địa danh còn lại (2268 địa danh – 45,67%)
Địa danh chỉ sông nước (1628 địa danh) 32,78%	Địa danh hành chính có thành tố chỉ sông nước (6 địa danh) 0,58%	
	→	
	Địa danh hành chính có thành tố chỉ núi đồi (25 địa danh) 2,42%	Địa danh chỉ núi đồi (37 địa danh) 0,79%
	←	

Ghi chú: mũi tên (→) chỉ sự chuyển hóa từ nhóm địa danh khác sang địa danh hành chính.

Khu vực miền Tây thời kỳ Thủy Chân Lạp là mảnh đất hoang hóa cả nghìn năm (từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVII), xung quanh chủ yếu đầm lầy và lau sậy, hầu như không có bóng người, chỉ lác đác một vài ngôi nhà, phum, sóc nhỏ của người Khmer trên các giồng đất. Năm thứ 2 niên hiệu Nguyên Trinh (Bình Thân, 1296), Châu Đạt Quan – sứ thần nhà Nguyên đến Chân Lạp – đã mô tả như sau: “Đoạn từ Chân Bò theo hướng Khôn – Thân, chúng tôi đi ngang qua biển Côn Lôn và vào cửa sông. Sông này có hàng chục ngã... Nhìn lên bờ chúng tôi thấy toàn là cây mây cao vút, cỏ thụ, cát vàng, lau sậy trắng...” (Châu Đạt Quan, 2007). Mãi đến thế kỷ XVIII, “khu tứ giác giữa kinh Vĩnh Tế và kinh Núi Sập: đất thấp, hoang vu, đầy Thất Sơn chiếm phần trung tâm. Qua mùa lụt của sông Cửu Long, “Bảy núi mây liền chim nhíp cánh, ba dòng nước chảy cá vênh vênh”. Chợ Châu Đốc và chợ Long Xuyên tuy ở nơi cao nhưng thường bị ngập...” (Son Nam, 2005).

Áp dụng khái niệm *hình và nền*, “Hình (figure) chỉ bộ phận nổi trội nhất trong tri giác hay trong ý niệm tri nhận, tức là bộ phận tiêu điểm chú ý và nền (ground) là bộ phận làm nổi bật hình”. (Nguyễn Thiện Giáp, 2012), vùng tứ giác Long Xuyên quanh năm ngập úng, chỉ có đi dân về phía

Tây Nam, gò đất cao hơn và hệ thống các ngọn núi lớn nhỏ ngay từ đầu là điểm nhấn chủ đạo (tức là hình) trong bức tranh hoang vu thời kỳ đó (tức sông rạch, đầm lầy là nền). Chính điều kiện tự nhiên này là nhân tố quyết định sự tri nhận của không chỉ người dân bản địa mà còn của cả lưu dân Việt trong vấn đề đặt tên cho vùng đất mới. Vì vậy, dấu ấn này tiếp nối qua nhiều thế hệ ngày càng sâu đậm trong tâm thức của các dân tộc ở An Giang. Điều này lý giải vì sao, núi qua thành tố “son” vẫn tiếp tục hiện diện trong các địa danh hành chính khi mà việc tụ dân đã ổn định, kinh tế - xã hội đã phát triển.

Một điểm đáng chú ý là tuy yếu tố son địa được nhấn mạnh, nhưng chỉ dừng lại ở thành tố “núi” và thành tố “son”, thành tố “suối” hoàn toàn không xuất hiện trong hệ thống địa danh hành chính An Giang, mặc dù ở đây có ít nhất 8 địa danh chỉ suối tập trung ở Tri Tôn và Tịnh Biên (xem Phụ lục 4). Nếu so sánh với các tỉnh miền Đông Nam Bộ, cụ thể là tỉnh Tây Ninh, thành tố “suối” trong địa danh hành chính có nhiều khác biệt. Địa hình ở Tây Ninh tương đối bằng phẳng, có hồ Dầu Tiếng và hai hệ thống sông: Sài Gòn và Vàm Cỏ Đông, đặc biệt nơi này cũng có hệ thống núi Bà Đen, cao nhất Nam Bộ (986 m). Nhưng địa

danh hành chính Tây Ninh hoàn toàn không có thành tố “núi” mà có 9 địa danh hành chính mang thành tố “suối” (xem Phụ lục 5). Ở khu vực này, núi không phải là yếu tố quyết định, ảnh hưởng sâu đậm trong tâm thức của cư dân bản địa và lưu dân Việt mà chính là nguồn nước. Bởi vì, Tây Ninh là vùng đất nổi cao nguyên Nam Trung Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long, núp sau dãy Trường Sơn, địa hình tuy có bằng phẳng nhưng cao hơn so với miền Tây Nam Bộ. Tây Ninh có nhiều suối, chính yếu tố này ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống sinh hoạt của cư dân bản địa, quyết định sự hình thành các điểm dân cư và sau này phát triển thành các đơn vị hành chính. Còn ở An Giang, núi là nét khác biệt khá lớn đối với vùng địa hình thấp và trũng, nguồn nước là yếu tố phổ biến và mặc nhiên. Nhìn chung, cũng áp dụng quy luật hình nền trong giải thích địa danh hành chính ở hai tỉnh này, nhưng có sự ngược lại, hình ở An Giang là núi, nền là sông nước, còn hình ở Tây Ninh là nguồn nước và nền là địa hình gò núi.

Vì vậy, khi nghiêm túc xét lại, trong việc nghiên cứu địa danh, chưa hẳn yếu tố nào nhiều, phổ biến sẽ là yếu tố quyết định để đặt địa danh, mà nên xét yếu tố nào có ảnh hưởng lớn đến việc tri nhận hoặc đến đời sống sinh hoạt, tâm thức của cư dân địa phương. Ví dụ, địa danh hồ Soài So (xã Núi Tô, huyện Tri Tôn) chỉ một giống xoài trắng, lạ và không có hiệu quả kinh tế, chưa hẳn ở đây có nhiều cây xoài này mà đây là một giống xoài có ảnh hưởng đến tâm thức của người dân nơi đây (người Khmer có chùa Soài So ở địa phương này). Tương tự, cũng nên xem xét lại 2 địa danh thuần Việt: thị trấn Ba Chúc (Tri Tôn) và thị trấn Nhà Bàng (Tịnh Biên). Thành tố “chúc” trong địa danh Ba Chúc là cây chúc, vốn là loài cây gia vị ăn trái và lá, bình thường trong cuộc sống của người Khmer, nhưng lại trở nên thu hút và phổ biến khi được người Việt tiếp cận. Nhà Bàng chỉ những hộ gia đình làm thêm nghề dệt cỏ bàng “xóm nhà dệt cỏ bàng”, sau này gọi tắt là “nhà bàng”, có thể đây không phải là một làng nghề rầm rộ nhưng lại là một xóm nghề có sự ảnh hưởng nào đó trong tâm thức của những cư dân quanh vùng.

3. THỜI GIAN VĂN HÓA QUA ĐỊA DANH HÀNH CHÍNH AN GIANG

Miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ có tổng cộng 19 tỉnh, trong đó có 6 tỉnh có địa danh hành chính chuyển hóa từ tên người xét từ cấp độ huyện trở lên. Đó là huyện Dương Minh Châu (Tây Ninh), thị xã Cai Lậy (Tiền Giang), thành phố Cao Lãnh (Đồng Tháp), huyện Hồng Dân (Bạc Liêu), huyện Trần Văn Thời, huyện Ngọc Hiển (Cà Mau) và huyện Thoại Sơn (An Giang) (xem Phụ lục 6). Các huyện Dương Minh Châu, Trần Văn Thời, Ngọc Hiển, Hồng Dân là tên của các chí sĩ yêu nước thời kháng chiến chống Pháp. Thị xã Cai Lậy và thành phố Cao Lãnh có nguồn gốc từ tên của nhân vật có công, nổi tiếng trong vùng. Ban đầu, hai nơi này chỉ là vùng đất nhỏ, sau này trở thành đơn vị hành chính lớn theo quy mô phát triển của xã hội. Riêng ở An Giang, địa danh ra đời đầu tiên mang dấu ấn của Thoại Ngọc Hầu là (núi) Thoại Sơn và (kênh) Thoại Hà (1818), sau đó là kênh Vĩnh Tế (đào năm 1819 – 1924, lấy theo tên phu nhân Châu Thị Tế, vợ chính của ông), xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, xã Vĩnh Tế (Châu Đốc). Như vậy, nhìn chung trong các tỉnh khu vực này, An Giang có những địa danh hành chính mang dấu ấn của nhân vật lịch sử tương đối sớm hơn các tỉnh khác. Bởi vì, đây là một trong những tỉnh được thành lập sớm nhất ở Nam Bộ (1832), hơn nữa đây là vùng phen đậu, chịu nhiều bất ổn về chiến sự, nạn quấy nhiễu của thổ phi, đặc biệt là hai đợt tấn công của quân Xiêm (1833 – 1834), Khmer đỏ (1975 – 1978), nên được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước từ những giai đoạn đầu của công cuộc Nam tiến. Điều này lý giải vì sao những đóng góp của Thoại Ngọc Hầu và gia quyến có ảnh hưởng lớn đến tâm thức của người dân trong khu vực.

Việc đặt tên địa danh hành chính chuyển hóa từ tên người cũng vì một lý do cơ bản, đó là sự tri ân. Tuy nhiên, việc vua Gia Long cho phép lấy tên Thoại Ngọc Hầu đặt tên kênh (Thoại Hà), tên núi (Thoại Sơn) ban đầu chỉ là sự vinh danh, ghi nhận công lao của ông, nhưng từ tên kênh, tên núi đã trở thành tên các đơn vị hành chính. Có nghĩa

là công lao đào kênh, lập chợ, lập làng, bảo hộ Cao Miên, tổng trấn Vĩnh Thanh... của ông được ghi nhận không chỉ dừng lại ở một giai đoạn lịch sử nhất định mà nó có sức ảnh hưởng lâu dài đến những giai đoạn sau, đặc biệt, nó có sức ảnh hưởng khá sâu sắc trong tâm thức của người dân và phát triển qua nhiều thế hệ. Điều này càng được khẳng định hơn nếu so sánh dấu ấn của Thoại Ngọc Hầu với dấu ấn của Chương Bỉnh Lễ Nguyễn Hữu Cảnh qua địa danh ở An Giang. Hiện nay, toàn tỉnh An Giang không có địa danh hành chính nào được chuyển hóa từ Nguyễn Hữu Cảnh, mà chủ yếu ở địa danh chỉ địa hình và công trình xây dựng: cù lao Ông Chương (tức cù lao Cây Sao), rạch Ông Chương, cầu Ông Chương, đường Nguyễn Hữu Cảnh, tập trung ở Chợ Mới và Long Xuyên (đường Chương Bỉnh Lễ). Như vậy, dấu ấn của ông ở vùng đất này rất sớm từ năm 1700, trong một khoảng thời gian rất ngắn (nửa tháng), nhưng công lao bình ổn Cao Miên và sự quan tâm, động viên của ông có ảnh hưởng sâu sắc đến lưu dân thời ấy. Tuy nhiên, ảnh hưởng này đã không phát triển sang việc chuyển hóa vào địa danh chỉ đơn vị hành chính.

4. CHỦ THỂ VĂN HÓA QUA ĐỊA DANH HÀNH CHÍNH AN GIANG

Trong các dân tộc đang cư trú tại An Giang, dân tộc Việt, Hoa, Chăm và Khmer là những dân tộc có số lượng đông đảo hơn cả. Trong tổng số 1033 địa danh hành chính có 61 địa danh thuần Việt, 689 địa danh Hán Việt, 18 địa danh gốc Khmer, 246 địa danh hỗn hợp, 1 địa danh gốc Phù Nam (thị trấn Óc Eo (Thoại Sơn) có dạng gốc là Tl'ok Ea Ling, Tl'ok: cái vịnh; Ea Ling: biển, nghĩa là vịnh biển) (Lê Trung Hoa, 2013) và 18 địa danh chưa xác định được nguồn gốc ý nghĩa. Hiện tại, chưa tìm thấy địa danh nào có nguồn gốc từ tiếng Chăm. Ngoài địa danh thuần Việt và Hán Việt, dấu ấn của ngôn ngữ dân tộc bản địa trên hệ thống địa danh hành chính ở An Giang chỉ có tiếng Khmer và tiếng Phù Nam. Các địa danh này tập trung ở các huyện miền núi Tri Tôn, Tịnh Biên và Thoại Sơn, nơi đồng bào Khmer tập trung đông đảo và lâu đời. Bởi lẽ, tỉnh An Giang trước khi trở

thành một trong lục tỉnh của miền Nam vào năm 1832 ở triều Minh Mạng của nước Đại Nam, thì vùng đất này vốn nằm trong phạm vi của vương quốc Phù Nam và sau này tiếp tục nằm trong vùng Thủy Chân Lạp của vương quốc Chân Lạp. Điều đó có nghĩa là những cư dân bản địa cư trú từ xa xưa ở đây là người Phù Nam thuộc ngữ hệ Nam Đảo, người Khmer thuộc ngữ hệ Môn – Khmer.

Ở địa bàn ngoài ba huyện kể trên cũng có những địa danh gốc Khmer, nhưng không thuộc nhóm địa danh hành chính. Ví dụ: rạch Trà Ôn (Bình Đức, Long Xuyên), kênh Chấn Cà Dao (Châu Thành), kênh Mặc Cần Dung (Châu Thành – Tịnh Biên – Tri Tôn)... (xem Phụ lục 7). Theo tiến trình lịch sử, cộng đồng người Việt ngày càng mở rộng, người Khmer tập trung về vùng đồi núi cao hơn, người Việt tiếp tục kế thừa và Việt hóa dần các địa danh có nguồn gốc dân tộc này. Riêng ở những vùng người Khmer tập trung đông, các địa danh Khmer vẫn được bảo tồn, ví dụ: ấp Sóc Tứ (Lê Trì, Tri Tôn), ấp Măng Rò (Văn Giáo, Tịnh Biên), ấp Phnôm Pi (Châu Lăng, Tri Tôn), ấp Đáy Cà Hom, ấp Srây Skóth (Văn Giáo, Tịnh Biên), xã Cần Đăng (Châu Thành)... (xem Phụ lục 8). Hiện tượng này tương tự như ở Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và trung du, miền núi phía Bắc, các địa danh ở địa bàn cư trú của các dân tộc bản địa có xu hướng được giữ nguyên dạng gốc, không Việt hóa (ví dụ: tỉnh Kon Tum, thành phố Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk), huyện Bù Đăng (Bình Phước), huyện Xín Mần (Hà Giang)... (xem Phụ lục 9). Vấn đề này thể hiện sự tôn trọng và quá trình giữ gìn bản sắc dân tộc của Nhà nước.

Nhóm địa danh hành chính có cấu tạo từ các thành tố Hán Việt chiếm 66,7%, cao nhất so với các nhóm còn lại. Nhóm địa danh hỗn hợp được cấu tạo bao gồm ít nhất một thành tố Hán Việt chiếm 23,81%, nhiều thứ hai. Như vậy, sự có mặt của các thành tố Hán Việt này đóng vai trò quan trọng trong việc đặt tên các đơn vị hành chính. Một địa danh hành chính ra đời bởi một trong hai cách: kế thừa và chuyển hóa từ địa danh chỉ địa hình, địa danh chỉ vùng hoặc địa danh chỉ công trình xây dựng; tạo mới từ các thành tố Hán Việt.

Cách đầu có hạn chế vì số lượng những địa danh thuộc ba nhóm này có giới hạn trong khi quy mô các đơn vị hành chính luôn phát triển, việc đặt tên để tạo sự khu biệt khá cấp thiết cho công tác tổ chức, quản lý. Do vậy, cách hai là giải pháp phổ biến, tuy nhiên, những mỹ từ dùng để gọi tên

cũng hạn chế, nên sự lặp đi lặp lại các thành tố trong hệ thống địa danh hành chính từng vùng miền khá phong phú. Việc một thành tố nào đó có số lần xuất hiện nhiều hơn cho thấy quan điểm giống nhau trong việc gọi tên các đơn vị hành chính.

Bảng 4. Thống kê các thành tố Hán Việt

Số thứ tự	Thành tố	Số lần xuất hiện
1	Phú	154
2	Bình	148
3	Vĩnh	127
4	An	124
5	Long	114
6	Mỹ	110
7	Hòa	78
8	Thạnh	77
9	Tân	66
10	Hưng	53
11	Khánh	41
12	Thuận	37
13	Thành	34
14	Quới	30
15	Hiệp	27

Sáu thành tố đầu có tỉ lệ xuất hiện cao hơn so với 9 thành tố còn lại, 6 thành tố này được chia thành 4 nhóm: nhóm chỉ mong ước về sự giàu có (Phú) chiếm tỉ lệ cao nhất, nhóm chỉ mong ước về sự yên bình (Bình, An), nhóm chỉ sự tự hào, yêu quý vùng đất tươi đẹp (Long, Mỹ) và nhóm chỉ mong ước về sự ổn định, trường tồn (Vĩnh). Các thành tố còn lại tập trung chỉ mong ước về sự hòa thuận, vui vẻ và sự phát triển phồn thịnh. Riêng thành tố Tân, vì Nam Bộ là vùng đất mới nên yếu tố này

luôn xuất hiện với tỉ lệ không nhỏ, không chỉ ở An Giang mà trong khắp hệ thống địa danh hành chính ở khu vực.

Ngoài thành tố Phú, các thành tố chỉ sự yên ổn, bền vững xuất hiện khá cao (477 lần cho 4 thành tố Bình, An, Vĩnh, Hòa), gần gấp 3 lần so với số lần xuất hiện của các thành tố tương tự ở Vĩnh Long (167 lần) (Nguyễn Tấn Anh, 2008) và gấp đôi so số lần xuất hiện của các thành tố tương tự ở Đồng Tháp (230 lần) (Nguyễn Thị Ngọc Bích,

2008). Bởi vì An Giang là vùng phân dậu, thường xuyên phải chịu những bất ổn và biến động về chiến sự, nên sự yên bình để ổn định và phát triển cuộc sống luôn là mong ước tha thiết nhất của nhà nước và cư dân vùng này.

5. KẾT LUẬN

Nếu chỉ khảo sát mỗi phân loại địa danh hành chính ở An Giang để tìm ra những đặc điểm văn hóa đặc trưng của An Giang, chắc chắn chưa thể bao quát hết đặc điểm văn hóa của cả vùng này. Tuy nhiên, do đặc trưng về cấu tạo cũng như phương thức định danh và sự sinh sau đẻ muộn của địa danh hành chính mà những đặc điểm văn hóa được đúc kết từ việc khảo sát và phân tích trên cho thấy, đây là những đặc điểm cơ bản và rõ ràng nhất, góp phần định hướng cho việc phân tích những phân loại địa danh còn lại.

An Giang là vùng trũng, hệ thống núi ở phía Tây Nam là điểm nhấn quan trọng trong tri nhận của cư dân qua nhiều thế hệ. An Giang là nơi có nhiều dân tộc cư trú và dấu ấn của người Khmer được trân trọng, gìn giữ bản sắc văn hóa, ngôn ngữ qua việc bảo tồn hệ thống các địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ dân tộc này. Hơn nữa, mảnh đất này là nơi chứa đựng nhiều ân tình và sự tri ân đối với những thế hệ đầu trong công cuộc khẩn hoang, đặc biệt là công ơn của Nguyễn Hữu Cảnh và Thoại Ngọc Hầu. Cuối cùng, chính hệ thống địa danh hành chính An Giang đã nói lên rõ ràng mong ước về sự yên bình, ổn định và giàu có của cư dân vùng ven biên giới này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Châu Đạt Quan (Lê Hương dịch và chú thích). (2007). *Chân Lạp phong thổ ký*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn nghệ.
- Lê Trung Hoa. (2006). *Địa danh học Việt Nam*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Lê Trung Hoa. (2013). *Từ điển từ nguyên địa danh Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin.

Nguyễn Thiện Giáp. (2012). *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

Nguyễn Thị Thái Trân. (2013). *Đặc điểm chính của địa danh An Giang*. (Luận văn Thạc sĩ không xuất bản). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nguyễn Thị Ngọc Bích. (2008). *Khía cạnh văn hóa của địa danh tỉnh Đồng Tháp*. (Luận văn không xuất bản). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nguyễn Tấn Anh. (2008). *Những đặc điểm chính của địa danh ở Vĩnh Long*. (Luận văn không xuất bản). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sơn Nam. (2005). *Tìm hiểu đất Hậu Giang và lịch sử đất An Giang*. TP. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.

Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang. (2003). *Địa chí An Giang (Tập 1)*. An Giang.

PHỤ LỤC 1:

6 địa danh có thành tố chỉ sông nước: ấp **Kinh** Đào (xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn); thị trấn **Cái Dầu** (Châu Phú); ấp **Cái Tắc** (Phú Mỹ - Phú Tân); ấp **Búng Nhỏ** (Khánh Bình – An Phú); ấp **Búng Lớn** (Nhơn Hội – An Phú); ấp **Búng Bình Thiên** (Quốc Thái – An Phú).

PHỤ LỤC 2:

8 địa danh mang thành tố “núi”: thị trấn **Núi Sập** (huyện Thoại Sơn); ấp **Núi Voi**, xã **Núi Voi**, ấp **Núi Két** (xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên); xã **Núi Tô**, khóm **Núi Nước** (thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn); ấp **Núi Nồi** (xã Tân Thạnh, thị xã Tân Châu); phường **Núi Sam** (thành phố Châu Đốc).

17 địa danh hành chính được cấu tạo từ thành tố “son” ở An Giang: huyện Thoại **Son**; xã Thới **Son** (Tịnh Biên); khóm **Son Đông** (Nhà Bàng, Tịnh Biên); ấp **Son Tây** (Thới Sơn, Tịnh Biên);

phường Long **Son** (Tân châu); ấp Long **Son** (Ô Long Vỹ, Châu Phú); ấp Đông **Son** 1, ấp Đông **Son** 2, ấp Nam **Son**, ấp Bắc **Son**, ấp Tây **Son** (Núi Sập, Thoại Sơn); ấp Trung **Son** (Óc EO, Thoại Sơn); ấp **Son** Hiệp (An Bình, Thoại Sơn); ấp **Son** Tân, ấp **Son** Thành, ấp **Son** Lập, ấp **Son** Hòa (Vọng Đông, Thoại Sơn).

PHỤ LỤC 3:

10 địa danh được cấu tạo từ thành tố “son” ở Kiên Giang: thị trấn **Sóc Sơn**, xã Bình **Son**, xã Mỹ Hiệp **Son**, xã Nam Thái **Son**, xã Sơn Bình, xã Sơn Kiên, xã Thổ **Son** (Hòn Đất, Kiên Giang); xã Lại **Son**, xã An **Son** (Kiên Hải, Kiên Giang); xã **Son** Hải (Kiên Lương, Kiên Giang).

PHỤ LỤC 4:

Các địa danh chỉ suối ở An Giang: suối An Hảo, suối Khe Đá, suối Ô Thum, suối Ô Túc Xa, suối Soài So, suối Tà Sóc, suối Tiên, suối Vàng.

PHỤ LỤC 5:

Các địa danh hành chính mang thành tố “suối” ở Tây Ninh: xã **Suối** Ngô, xã **Suối** Mây (Tân Châu); xã **Suối** Đá (Dương Minh Châu); ấp **Suối** Mây (Thạnh Bắc); ấp **Suối** Ông Đình (Trà Vong, Tân Biên); ấp **Suối** Bà Chiêm (Tân Hòa); ấp **Suối** Nhím (Tân Thành, Tân Châu); ấp **Suối** Muôn (Thái Bình, Châu Thành); ấp **Suối** Cao (Phước Đông, Gò Dầu).

PHỤ LỤC 6:

Dương Minh Châu (1912 – 1947) là chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến tỉnh Tây Ninh, đại biểu Quốc hội khóa I, hy sinh tại huyện Châu Thành.

Cai Lậy có dạng gốc là Cai Lễ, ban đầu là tên một giồng đất do cai cơ Ngô Tấn Lễ chỉ huy khai khẩn, năm 1871 trở thành tên đơn vị hành chính (Lê Trung Hoa, 2013).

Cao Lãnh dạng gốc là Câu Lãnh, tức là ông Lãnh làm chức câu đương (chuyên giải quyết các

chuyện xích mích trong làng). Ông tên thật là Đỗ Công Tường (? – 1820) là người nhân đức, có công lập chợ và cứu giúp người dân (Lê Trung Hoa, 2013).

Hồng Dân tên đầy đủ là Trần Hồng Dân, tên thật là Trần Văn Thành (1916 – 1949), chủ nhiệm mặt trận Việt Minh, hy sinh tại huyện Phước Long, tỉnh Rạch Giá.

Trần Văn Thời (1902 – 1042) là Bí thư tỉnh ủy Bạc Liêu, hy sinh trong nhà tù Côn Đảo.

Ngọc Hiến (1910 – 1941) tên đầy đủ là Phan Ngọc Hiến, hy sinh sau khi lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hòn Khoai ở Cà Mau (1940).

Thoại Sơn chỉ Thoại Ngọc Hầu tên thật là Nguyễn Văn Thoại (1761 – 1829), một danh tướng nhà Nguyễn.

PHỤ LỤC 7:

Trà Ôn có dạng gốc là T’ray Tro Oon, nghĩa là “cá trên”; Chắc Cà Dao có dạng gốc là Chas S’dao, trong đó Chas là “già”, S’dao là “cây sào đầu”; Mặc Cần Dung có dạng gốc là Preah Stung, trong đó Preah là “thần thánh”, Stung là “rạch” (Nguyễn Thị Thái Trân, 2013).

PHỤ LỤC 8:

Sóc Túc nghĩa là “xóm nước”; Măng Rò là tên một loài cây ăn lá; Phnôm là “núi”, Pi là “hai”; Đây Cà Hom nghĩa là “đất đỏ”; Cần Đăng dạng gốc là Kon Đal nghĩa là “ở giữa”; Srây Skóth: chưa biết nghĩa (Nguyễn Thị Thái Trân, 2013).

PHỤ LỤC 10:

Kon Tum gốc Ba Na, Kon là “làng”, Tum là “ao, hồ”; Buôn Ma Thuật gốc Ê Đê, dạng gốc là Buôn Ama Thuật, Buôn là “làng”, Ama Thuật là “cha anh Thuật”; Bù Đăng gốc Stiêng, Bù là “làng”, Đăng là “mạnh”; Xín Mần gốc Hán, âm Hán Việt là Thanh Môn (Lê Trung Hoa, 2013).